

Công ty Cổ phần bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website: www.kiemtoanfac.vn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
4. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BCN ngày 01 tháng 04 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203001481 ngày 16 tháng 05 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Công ty sau đó đã đăng ký thay đổi và được cấp lại các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 05 ngày 15 tháng 6 năm 2022 với mã số doanh nghiệp 0200159453.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì cho ngành bia, rượu, nước giải khát, Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư chuyên dùng cho ngành thủy tinh, Kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát, nguyên vật liệu vật tư thiết bị cho ngành bia, rượu, nước giải khát, Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp cầu cảng.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 38 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200159453

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Khôi	Thành viên
Bà Đoàn Thị Thu Huyền	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hà Thị Giang	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 11 năm 2023
Ông Nguyễn Như Khuê	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 11 năm 2023
Bà Lưu Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	

GIÁM ĐỐC

Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đoàn Thị Thu Huyền.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đoàn Thị Thu Huyền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Đoàn Thị Thu Huyền

Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2024



Số: 043/2023/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 20 tháng 02 năm 2023.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Trương Quang Trung – Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1752-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Bùi Duy Phương Thanh – Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 5425-2020-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.839.545.286	27.756.243.855
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.317.814.332	544.928.712
1 Tiền	111		4.317.814.332	544.928.712
2 Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.400.000.000	12.800.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	12.400.000.000	12.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.931.736.280	4.208.204.547
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.323.777.389	2.184.583.956
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.978.000	1.632.622.132
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	600.980.891	390.998.459
IV. Hàng tồn kho	140	9	9.140.988.215	9.938.274.489
1 Hàng tồn kho	141		9.140.988.215	9.938.274.489
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.006.459	264.836.107
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	21.687.156	10.463.124
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.570.103	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	3.749.200	254.372.983
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.813.590.737	5.199.840.053
I. Tài sản cố định	220		4.408.970.983	5.101.791.233
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.408.970.983	5.101.791.233
- Nguyên giá	222		62.465.030.369	62.465.030.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.056.059.386)	(57.363.239.136)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.404.619.754	98.048.820
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.404.619.754	98.048.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.653.136.023	32.956.083.908

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.600.239.194	2.602.886.961
I. Nợ ngắn hạn	310		5.590.239.194	2.602.886.961
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.967.894.546	86.106.253
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	61.400.000	191.000.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	32.262.284	195.847.907
4 Phải trả người lao động	314		1.779.948.900	1.550.808.537
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	72.336.656	-
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	143.252.000	96.908.000
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	533.144.808	482.216.264
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000	-
1 Phải trả dài hạn khác	337	16	10.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.052.896.829	30.353.196.947
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	31.052.896.829	30.353.196.947
1 Vốn cổ phần	411	18.2	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		8.912.619.131	8.912.619.131
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.140.277.698	1.440.577.816
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		517.577.816	(949.511.395)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.622.699.882	2.390.089.211
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.653.136.023	32.956.083.908

Đỗ Thị Lan Thủy
Người lập biểu

Đỗ Thị Lan Thủy
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Thu Huyền
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	44.967.810.745	68.060.422.336
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	44.967.810.745	68.060.422.336
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	20	37.202.291.262	59.105.947.375
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.765.519.483	8.954.474.961
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	942.442.877	348.394.124
7 Chi phí tài chính	22	22	1.835.822	207.774
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	23	1.127.802.273	1.273.590.117
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.516.161.912	4.981.386.397
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.062.162.353	3.047.684.797
11 Thu nhập khác	31	25	1.025.000	2.572.224
12 Chi phí khác	32	25	5.850.000	32.789.240
13 Lợi nhuận khác	40	25	(4.825.000)	(30.217.016)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.057.337.353	3.017.467.781
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27.1	434.637.471	627.378.570
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		1.622.699.882	2.390.089.211
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	811	934
18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	811	934

Đỗ Thị Lan Thùy
Người lập biểu

Đỗ Thị Lan Thùy
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Thu Huyền
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		2.057.337.353	3.017.467.781
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10	692.820.250	1.884.303.384
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(942.442.877)	(348.394.124)
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.479.136.273	(1.423.855.595)
- Giảm hàng tồn kho	10		797.286.274	4.258.016.943
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		2.867.817.405	(1.451.024.950)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.317.794.966)	309.982.884
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(169.676.361)	(832.085.147)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	17	(472.071.456)	(200.545.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.992.411.895	5.213.865.639
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.900.000.000)	(12.933.009.589)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.300.000.000	7.633.009.589
3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		734.129.725	348.394.124
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.134.129.725	(4.951.605.876)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18.3	(353.656.000)	(63.424.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(353.656.000)	(63.424.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.772.885.620	198.835.763
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	544.928.712	346.092.949
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	6.317.814.332	544.928.712



Đỗ Thị Lan Thủy
 Người lập biểu



Đỗ Thị Lan Thủy
 Kế toán trưởng



Đoàn Thị Thu Huyền
 Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 20/2005/QĐ-BCN ngày 01 tháng 04 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203001481 ngày 16 tháng 05 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Công ty sau đó đã đăng ký thay đổi và được cấp lại các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 05 ngày 15 tháng 6 năm 2022 với mã số doanh nghiệp 0200159453.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì cho ngành bia, rượu, nước giải khát, Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư chuyên dùng cho ngành thủy tinh, Kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát, nguyên vật liệu vật tư thiết bị cho ngành bia, rượu, nước giải khát, Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp cầu cảng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 38 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 26 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 27 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị quản lý	07 năm

3.6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được thực hiện theo kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn vào chi phí hàng năm.

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm

3.11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	88.916.374	84.662.717
Tiền gửi ngân hàng	4.228.897.958	460.265.995
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	6.317.814.332	544.928.712

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất tiền gửi 4,5%/năm

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	12.400.000.000	12.400.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
TỔNG CỘNG	12.400.000.000	12.400.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín, Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu có thời hạn từ 6 tháng trở lên và dưới một năm, hưởng lãi suất từ 5% đến 8,1% một năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty TNHH thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng		429.403.260		524.217.600
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)		1.595.392.700		1.479.024.800
Phải thu các khách hàng khác		298.981.429		181.341.556
TỔNG CỘNG		2.323.777.389		2.184.583.956

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Sacmi Singapore PTE LTD		-		1.627.122.132
Công ty Cổ phần Hòa Anh		-		5.500.000
Công ty TNHH thu phí tự động VETC		6.978.000		-
TỔNG CỘNG		6.978.000		1.632.622.132

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ký quỹ, ký cược		200.000.000		200.000.000
Phải thu khác		400.980.891		190.998.459
TỔNG CỘNG		600.980.891		390.998.459

Trong đó:

Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	200.000.000	200.000.000
Phải thu từ các bên khác	400.980.891	190.998.459

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	775.853.293	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.571.454.816	-	6.226.174.562	-
Công cụ, dụng cụ	1.903.749.645	-	1.820.559.576	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.959.342.596	-	1.575.845.305	-
Thành phẩm	929.624.903	-	314.421.899	-
Hàng hóa	962.962	-	1.273.147	-
TỔNG CỘNG	9.140.988.215	-	9.938.274.489	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	18.432.701.049	40.031.900.380	3.921.929.852	78.499.088	62.465.030.369
Số cuối năm	<u>18.432.701.049</u>	<u>40.031.900.380</u>	<u>3.921.929.852</u>	<u>78.499.088</u>	<u>62.465.030.369</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	12.684.413.017	39.996.900.380	1.309.382.580	42.999.088	54.033.695.065
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	14.111.890.317	40.020.817.033	3.161.330.319	69.201.467	57.363.239.136
Khấu hao trong năm	419.494.090	6.999.996	261.254.736	5.071.428	692.820.250
Số cuối năm	<u>14.531.384.407</u>	<u>40.027.817.029</u>	<u>3.422.585.055</u>	<u>74.272.895</u>	<u>58.056.059.386</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	4.320.810.732	11.083.347	760.599.533	9.297.621	5.101.791.233
Số cuối năm	<u>3.901.316.642</u>	<u>4.083.351</u>	<u>499.344.797</u>	<u>4.226.193</u>	<u>4.408.970.983</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	195.847.907	1.891.833.993	(2.087.681.900)	-
Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	257.027.338	(257.027.338)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(232.698.826)	434.637.471	(169.676.361)	32.262.284
Thuế Thu nhập cá nhân	(21.674.157)	74.431.023	(56.506.066)	(3.749.200)
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	1.690.879.520	(1.690.879.520)	-
Các loại thuế khác	-	8.850.000	(8.850.000)	-
TỔNG CỘNG	(58.525.076)	4.357.659.345	(4.270.621.185)	28.513.084
Trong đó:				
Thuế phải nộp	195.847.907			32.262.284
Thuế nộp thừa (*)	254.372.983			3.749.200

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản khác	72.336.656	-
TỔNG CỘNG	72.336.656	-

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	143.252.000	96.908.000
TỔNG CỘNG	143.252.000	96.908.000

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	-
TỔNG CỘNG	10.000.000	-

17. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		482.216.264	682.761.801
Trích lập trong năm	(Thuyết minh số 18.1)	523.000.000	-
Sử dụng trong năm		(472.071.456)	(200.545.537)
Số cuối năm		<u>533.144.808</u>	<u>482.216.264</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

				VND	
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Năm trước					
Số đầu năm	20.000.000.000	8.912.619.131	(949.511.395)	27.963.107.736	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	2.390.089.211	2.390.089.211	
Số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>8.912.619.131</u>	<u>1.440.577.816</u>	<u>30.353.196.947</u>	
Năm nay					
Số đầu năm	20.000.000.000	8.912.619.131	1.440.577.816	30.353.196.947	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.622.699.882	1.622.699.882	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	(523.000.000)	(523.000.000)	
Chia lợi nhuận	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)	
Số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>8.912.619.131</u>	<u>2.140.277.698</u>	<u>31.052.896.829</u>	

18.2. Chi tiết vốn cổ phần

Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	13.790.000.000	68,95%	13.790.000.000	68,95%
Các đối tượng khác	6.210.000.000	31,05%	6.210.000.000	31,05%
TỔNG CỘNG	<u>20.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

18.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Cổ tức đã trả		
Cổ tức công bố	400.000.000	-
Cổ tức đã trả trong năm	(353.656.000)	(63.424.000)

18.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	39.394.947.772	62.436.185.085
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.572.862.973	5.624.237.251
TỔNG CỘNG	<u>44.967.810.745</u>	<u>68.060.422.336</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	22.734.710.736	26.576.987.030
Doanh thu đối với bên khác	22.233.100.009	41.483.435.306

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	37.202.291.262	59.105.947.375
TỔNG CỘNG	<u>37.202.291.262</u>	<u>59.105.947.375</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	942.442.877	348.394.124
TỔNG CỘNG	942.442.877	348.394.124

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.835.822	207.774
TỔNG CỘNG	1.835.822	207.774

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	145.434.304	176.381.000
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	217.680.372	217.680.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.068.273	71.168.250
Chi phí bán hàng khác	727.619.324	808.360.495
TỔNG CỘNG	1.127.802.273	1.273.590.117

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.527.733.605	2.934.989.677
Chi phí vật liệu quản lý	194.154.003	225.146.234
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	36.839.856	79.501.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391.024.770	127.723.180
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.366.409.678	1.614.025.987
TỔNG CỘNG	5.516.161.912	4.981.386.397



25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Các khoản khác	1.025.000	2.572.224
	1.025.000	2.572.224
Chi phí khác		
Các khoản khác	(5.850.000)	(32.789.240)
	(5.850.000)	(32.789.240)
LỖ KHÁC THUẦN	(4.825.000)	(30.217.016)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.453.645.931	48.008.281.232
Chi phí nhân công	4.967.012.892	5.087.751.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	692.820.250	1.884.303.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.849.393.719	2.166.606.383
Các chi phí khác	4.498.585.659	5.127.056.991
TỔNG CỘNG	44.461.458.451	62.273.999.854

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.057.337.353	3.017.467.781
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
+ Lương HĐQT không tham gia điều hành	108.000.000	60.000.000
+ Chi phí không được khấu trừ	7.850.000	59.815.996
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	2.173.187.353	3.137.283.777
Lỗi chuyển sang kỳ sau không ghi nhận thuế hoãn lại	-	-
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(390.928)
Thu nhập tính thuế	2.173.187.353	3.136.892.849
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	434.637.471	627.378.570
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN của những năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.637.471	627.378.570

27.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
			<i>VND</i>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Bán hàng	15.719.158.236	18.515.958.880
	Trả cổ tức	275.800.000	-
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	Bán hàng	604.142.500	386.228.150
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	Bán hàng	1.141.150.000	1.173.225.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Bán hàng	5.270.260.000	6.501.575.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	1.171.837.700	904.912.800
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	74.250.000	79.750.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	349.305.000	494.362.000
TỔNG CỘNG	1.595.392.700	1.479.024.800
Phải thu kỳ cược ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	200.000.000	200.000.000

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”), Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

VND				
Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc				
Nguyễn Quang Thanh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	64.800.000	43.200.000
Nguyễn Đức Khôi	Thành viên HĐQT	Thù lao	43.200.000	28.800.000
Đoàn Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT	Thù lao	43.200.000	28.800.000
Đoàn Thị Thu Huyền	Giám đốc	Thu nhập	458.710.351	386.254.422
Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng				
Hà Thị Giang	Trưởng BKS	Thu nhập	201.687.915	192.492.935
Trần Minh Tuấn	Thành viên	Thu nhập	-	4.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Thu nhập	19.800.000	10.400.000
Nguyễn Như Khuê	Thành viên	Thu nhập	1.800.000	-
Lưu Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Thu nhập	155.089.844	147.247.021
Đỗ Thị Lan Thủy	Kế toán trưởng	Thu nhập	330.157.944	275.380.168
TỔNG CỘNG			1.318.446.054	1.116.574.546

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (VND)	1.622.699.882	2.390.089.211
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(523.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.622.699.882	1.867.089.211
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2.000.000	2.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	811	934
Lãi suy giảm	811	934

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 từ 1.195 VND/cổ phiếu xuống 934 VND/cổ phiếu để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 71/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

	Nộp chai các loại	Thuê kho, vận chuyển, khác	Tổng cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần	39.394.947.772	6.516.330.850	45.911.278.622
Chi phí trực tiếp	34.287.728.210	2.922.248.874	37.209.977.084
Chi phí phân bổ	5.700.965.644	942.998.541	6.643.964.185
Chi phí bán hàng	967.729.782	160.072.491	1.127.802.273
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.733.235.862	782.926.050	5.516.161.912
Lợi nhuận trước thuế	(593.746.082)	2.651.083.435	2.057.337.353

31. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, bởi doanh nghiệp kiểm toán khác.

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	0,64	0,64
Đồng Euro (EUR)	110,30	110,30

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Đỗ Thị Lan Thủy
Người lập biểu



Đỗ Thị Lan Thủy
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Thu Huyền
Giám đốc



Thành phố Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2024